

Phương pháp dạy học Task-Based Language Teaching và khả năng ứng dụng vào việc dạy “Tiếng Việt thương mại”

• **Nguyễn Thanh Thủy**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ đã trải qua nhiều biến chuyển và xu thế khác nhau, hình thành nên rất nhiều cách tiếp cận và phương pháp dạy tiếng. Phương pháp Task-Based Language Teaching (TBLT) đã và đang thu hút rất nhiều sự quan tâm. Bài viết này giới thiệu khái quát về TBLT, các ưu điểm và khả năng áp dụng của phương pháp này trong giảng dạy “Tiếng Việt thương mại”. Bốn phần đầu của bài viết lần lượt trình bày thuật ngữ “tasks”, khung cấu trúc của TBLT, vai trò của giảng viên trong

phương pháp TBLT và một số bí quyết để áp dụng hiệu quả phương pháp này. Phần tiếp theo giới thiệu việc áp dụng TBLT trong giảng dạy “Tiếng Việt thương mại” tại Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, kèm theo ví dụ cụ thể về cách thiết kế “tasks” cho môn học. Một số đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo để áp dụng hiệu quả TBLT trong giảng dạy “Tiếng Việt thương mại” được trình bày trong phần kết luận.

Từ khóa: Task-Based Language Teaching, Tiếng Việt thương mại, ngôn ngữ đích, mục tiêu giao tiếp, thế giới thực, ứng dụng ngôn ngữ, Task Cycle

1. Đặt vấn đề

Tác giả Martin Williams đã viết trên tạp chí The Guardian [1] như sau:

Sự phạm ngôn ngữ đã qua một chặng đường dài kể từ ngày khi *các phương pháp ngữ pháp - dịch lặp* (repetitive grammar – translation methods) được coi là cách duy nhất để học tập. Ngày nay, *các cách tiếp cận dựa trên tasks* (Task-Based Approaches) đã phổ biến ở các trường học của Anh, nhấn mạnh tính truyền thông và các ứng dụng thực tế của ngôn ngữ.

Vậy phương pháp dạy ngôn ngữ Task-Based Language Teaching (viết tắt là TBLT) là gì? Ở Việt Nam trong những năm gần đây đã có một số tác giả nghiên cứu về vấn đề này: Lê Văn Canh [2], Nguyễn Việt Hùng [3], Nguyễn Phương Chi [4]...

Một cách thật ngắn gọn, theo Willis [5] (1996: 23), tasks là “các hoạt động mà ở đó ngôn ngữ đích được người học sử dụng với mục tiêu giao tiếp nhằm đạt được một kết quả nào đó”¹. Điều này có nghĩa là tasks có thể là bất cứ việc gì, từ việc giải bài tập đồ cho đến việc đặt vé máy bay [6].

Theo Lê Văn Canh [2], TBLT là phương pháp dạy học có những đặc điểm sau:

Nhấn mạnh vào việc học để giao tiếp thông qua sự tương tác với nhau qua việc sử dụng ngôn ngữ đích;

Giới thiệu các ngôn bản đích thực vào các tình huống học tập;

¹ activities where the target language is used by the learner for a communicative purpose (goal) in order to achieve an outcome

Cung cấp các cơ hội cho người học không chỉ tập trung vào bản thân ngôn ngữ mà còn tập trung vào quá trình học;

Tăng cường khai thác những kinh nghiệm của các cá nhân như một thành tố quan trọng đối với việc học;

Cố gắng kết hợp việc học ở trên lớp với việc sử dụng ngôn ngữ ở ngoài lớp.

Từ đó, có thể nói, TBLT có những ưu điểm rõ rệt, gồm: (i) cung cấp cho người học một cách hiểu ngôn ngữ mới, đó là ngôn ngữ chỉ là công cụ chứ không phải là mục tiêu cụ thể tối thượng; (ii) chuyển việc dạy ngôn ngữ vốn là truyền đạt kiến thức trừu tượng thành những ứng dụng thể giới thực; (iii) đáp ứng nhu cầu trước mắt của người học; và (iv) tạo nên những lớp học thú vị, sáng tạo.

2. Khung cấu trúc của TBLT

Theo Willis [5] (1996: 52), có 3 giai đoạn trong khung cấu trúc của TBLT:

Giai đoạn *Pre-Task* (trước khi thực hiện tasks):

Nêu vấn đề/nhận thức;

Giới thiệu tên đề tài và task;

Giảng viên giới thiệu *chủ đề* (topic) một cách đầy đủ;

Sử dụng hình ảnh, posters và các thuyết minh khác.

Giai đoạn *Task Cycle* (thực hiện tasks):

Sử dụng ngôn ngữ đích nhằm thực hiện Tasks;

Tạo nên các hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi;

Ra các bài tập nhằm cung cấp, bổ sung thông tin cho nhau;

Tăng cường dần các hoạt động hoạch định, báo cáo, trình bày;

Chọn một số cặp hoặc nhóm để báo cáo với cả lớp về Tasks đã thực hiện.

Giai đoạn *Post-Task* (sau khi thực hiện tasks, còn gọi là *Language Focus*):

Chọn, xác định và phân loại từ vựng (từ, mệnh đề);

Thực hành ngôn ngữ trong lớp;

Người dạy đóng vai chủ tọa điều khiển việc báo cáo của các nhóm được chọn cũng như việc trao đổi ý kiến của cả lớp;

Xây dựng tự điển cá nhân.

Các kỹ thuật/ thủ thuật giảng dạy của TBLT không khác nhiều so với các kỹ thuật/ thủ thuật giảng dạy thông thường, song cần chú ý về thứ tự và trọng số của các hoạt động, yêu cầu người học phải hoạt động nhiều hơn, phải sử dụng ngôn ngữ mà người học có được, giảm phần can thiệp áp đặt trực tiếp từ người dạy.

3. Một số ví dụ về hoạt động TBLT

Người dạy cần lưu ý:

Sử dụng ngoại ngữ càng nhiều càng tốt và chỉ sử dụng tiếng mẹ đẻ để giải thích nhiệm vụ/ bài tập (khi bắt buộc phải làm);

Tạo một không khí học tập thoải mái nhất có thể trong giai đoạn Pre-Task;

Cung cấp *các từ khóa* (key words) hoặc các gợi ý chung nhất để người học sử dụng;

Sử dụng các phương tiện khác nhau trong giai đoạn Pre-Task: *bài đọc âm thanh* (audio texts), *các đoạn phim ngắn* (video clips), *các hoạt động phát triển ý tưởng* (brainstorming activities), *các bài tập nhỏ* (drills), *các hình ảnh* (images); *các trang web* (websites);

Đảm bảo tasks phải là quá trình mang tính thúc đẩy người học tham gia và phát huy chiến lược/ chiến thuật của bản thân;

Theo dõi chặt chẽ quá trình người học thực hiện tasks;

Tập trung vào các vấn đề ngữ pháp và ngữ nghĩa quan trọng nhất sau khi thực hiện tasks.

4. Vai trò của giảng viên trong phương pháp TBLT

Đây là một vấn đề phức tạp do giảng viên thực sự đảm nhận nhiều vai trò khác nhau trong bài học. Willis [5] (1996: 40-41) tóm tắt vai trò chính của giảng viên như là một người hướng dẫn, có mặt tại lớp là để hỗ trợ người học – những người triển khai các tác vụ: giảng viên phải xác định các nhiệm vụ,

đảm bảo rằng người học hiểu rõ các chỉ dẫn, và tổng kết bài học. Nói khác đi, giảng viên phải chuẩn bị cho nhiều hoạt động khác nhau để đáp ứng nhu cầu của người học.

Trong mỗi một bài học TBLT, giảng viên có thể đóng nhiều vai. Giảng viên nên thực hiện ba vai trò chính, gồm: 1) chọn và sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ; 2) chuẩn bị cho người học triển khai tasks thành công; và 3) tăng cường nhận thức của người học về việc ứng dụng ngôn ngữ một cách sinh động và phong phú vào thực tiễn cuộc sống và công việc – đây là vai trò chính yếu của giảng viên trong suốt giai đoạn Task Cycle.

Giảng viên cần chuẩn bị để đảm nhận nhiều vai trò trong từng mỗi bài học TBLT, nơi mà người dạy và người học tìm hiểu và thử thách chính mình và với nhau:

Biết rõ về những gì họ có thể đóng vai để mang lại lợi ích cho người học;

Hiểu các nguyên lý cơ bản của TBLT và không chỉ sử dụng một task và gọi nó là TBLT;

Dành thời lập kế hoạch tỷ mỉ cho các bài giảng TBLT, cố gắng dự đoán những vấn đề có thể phát sinh và những dạng thức ngữ pháp nào nên được dạy một cách rõ ràng và dạy khi nào;

Liên tục tương tác và đánh giá những gì mà người học cần.

Một trong những ưu điểm của TBLT là tính linh hoạt của nó, và đó là chìa khóa cho sự tồn tại của TBLT như là một cách tiếp cận để giảng dạy tiếng. Giảng viên có thể phát triển vô số tác vụ mang tính thực tiễn cao nhằm tạo ra môi trường học ngoại ngữ; người học được khuyến khích sử dụng ngôn ngữ của riêng mình để giao tiếp có hiệu quả và trao đổi ý tưởng, thuyết phục bạn đồng môn. TBLT từng bị cho rằng chỉ tập trung vào bản thân *ngữ nghĩa* (meaning), bây giờ chúng tỏ rằng nó có thể đồng thời tập trung hiệu quả vào *hình thái* (form).

5. Việc dùng TBLT trong giảng dạy môn “Tiếng Việt thương mại”

Với quan niệm rằng sinh viên có thể học một cách hiệu quả hơn khi họ tập trung vào tasks, thay vì vào ngôn ngữ đang sử dụng, chúng tôi áp dụng TBLT vào giảng dạy môn “Tiếng Việt thương mại” cho sinh viên năm thứ 4 – năm học cuối của bậc đào tạo đại học tại Khoa Việt Nam học – nhằm đạt mục tiêu của môn học là không chỉ trang bị từ vựng về thương mại mà còn giúp sinh viên hiểu biết về cơ cấu tổ chức, sự vận hành của các đơn vị kinh tế tại Việt Nam, bồi dưỡng thêm kỹ năng làm việc và quản lý trong các đơn vị kinh tế. Và giờ học đã trở nên sinh động, nội dung bài học đã được mở rộng và phong phú hơn.

Dưới đây là việc áp dụng TBLT để dạy phân đoạn có tên là “Công việc” trong bài “Công việc, tổ chức, nhân sự” với mục tiêu là động viên và lôi cuốn người học, hướng họ đến ngôn ngữ đích qua kỹ năng làm việc nhóm và tăng cường khai thác trải nghiệm cá nhân trong khung thời gian là 100 phút.

Giai đoạn *Pre-Task* (trong 10 phút): Giảng viên yêu cầu sinh viên nhắc lại một số từ/ ngữ cơ bản như *công việc, văn phòng, công ty, doanh nghiệp, giám đốc, đánh máy, gặp gỡ, trao đổi, ...* để đặt các câu liên quan đến bài học;

Giai đoạn *Task Cycle* (trong 70 phút): Giảng viên yêu cầu sinh viên:

Chia thành nhóm;

Nghe một bài (B) có một số từ/ ngữ quen thuộc và sinh viên phải ghi chép lại các từ/ ngữ này.

Task 1 – Giải quyết vấn đề (trong 30 phút):

Giảng viên dẫn dắt:

Mỗi nhóm thảo luận các câu/ chữ vừa nghe, phán đoán và tạo câu với các từ/ ngữ đã cho để xây dựng nên một câu chuyện;

Mỗi nhóm chọn 1 sinh viên tìm trong từ điển các từ/ ngữ phù hợp; tập hợp các sinh viên còn lại xây dựng kịch bản, viết câu để tạo thành câu chuyện, và sử dụng các từ/ ngữ mới để mở rộng câu chuyện; cử 1 sinh viên đại diện nhóm làm phát ngôn viên.

Task 2 – Trình bày, thảo luận và so sánh (trong 20 phút):

Giảng viên dẫn dắt:

Phát ngôn viên của mỗi nhóm trình bày câu chuyện trước lớp;

Các nhóm cùng nhau thảo luận và so sánh câu chuyện của họ.

Task 3 – Xem, phân tích và thảo luận một đoạn video (trong 20 phút):

Giảng viên chiếu một đoạn video (trong khoảng 5 phút) về công việc thường nhật của một người thư ký; đoạn video có lời bình chú chứa tất cả các từ/ngữ đã giới thiệu lúc đầu;

Sinh viên so sánh nội dung của đoạn video với câu chuyện mà họ vừa soạn ra và xác định các từ/ngữ quen thuộc trong video vừa xem.

Giai đoạn *Post-Task* (trong 20 phút):

Task 4 – Cùng cố bài (trong 10 phút):

Giảng viên đưa ra không quá 10 câu hỏi đúng/sai liên quan đến nội dung video vừa xem.

Task 5 – Chia sẻ trải nghiệm cá nhân về công việc mong muốn hoặc yêu thích (trong 10 phút):

Sinh viên được yêu cầu suy nghĩ và chia sẻ về công việc họ yêu thích đã/đang có hoặc mong muốn có được trong tương lai².

(A) Danh sách các từ/ngữ: *thư ký, áp lực, chất xúc tác, guồng máy, kế toán, tài chính, nhân sự, quản trị, người đại diện, giao dịch, và công ty bảo hiểm.*

(B) Bài nghe “Nghề thư ký”:

Trong công việc, thư ký được xem là một trong những người gần gũi nhất với các vị giám đốc. Vì vậy mà họ cũng phải chịu nhiều áp lực như những chuyên công tác xa nhà, các việc đột xuất cần giải quyết gấp, áp lực từ các đối tác...

Đôi nét về nghề thư ký

Thư ký là chiếc cầu nối giữa khách hàng với cấp trên và là chất xúc tác để guồng máy hoạt động hiệu

quả. Một người thư ký chuyên nghiệp phải đảm nhiệm nhiều vai trò khác nhau bao gồm cả kế toán, tài chính, nhân sự, quản trị... và nghiệp vụ văn phòng như: nhận điện thoại, sắp xếp lịch hẹn, tiếp khách; đăng ký vé máy bay, khách sạn; lấy thị thực, soạn thảo văn bản, hợp đồng, dịch thuật; quản lý lưu trữ hồ sơ; chuẩn bị tài liệu, thông tin theo yêu cầu của lãnh đạo; tham dự và ghi chép biên bản các cuộc họp...

Ngoài ra, họ có thể là những người đại diện cho cấp trên của mình khi giao dịch với những đối tác như ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ... Khi thay mặt Giám đốc để gặp gỡ, trao đổi, giao dịch với các đối tác, người thư ký phải có thêm tác phong chuyên nghiệp được thể hiện qua khả năng giao tiếp, trang phục thanh lịch, ứng xử linh động, thông minh... để đại diện cho hình ảnh công ty.

Khả năng/ phẩm chất cần có của một thư ký

Thành thạo vi tính: Sử dụng thành thạo các phần mềm vi tính căn bản như Words và Excel, thư ký dễ dàng làm một bản hợp đồng, bản thu chi, thư mời...

Nhạy bén: Là cánh tay trái của sếp trong việc cung cấp, tiếp nhận và xử lý thông tin, thư ký cần nhạy bén để có thể khéo léo xử lý tất cả những sự kiện có liên quan.

Am hiểu: Có kiến thức, am hiểu nhiều vấn đề của cuộc sống, nhạy bén và tâm lý, thư ký sẽ giải quyết công việc hợp lý hơn.

Có trí nhớ tốt: Những số điện thoại cần thiết, ngày và giờ họp, ngày sếp có hẹn với khách hàng, hoặc đơn giản chỉ là câu đáp của câu hỏi “Hôm nay là ngày bao nhiêu?” là điều thư ký cần lưu ý và ghi nhớ.

Có tính độc lập: Tuy không có toàn quyền quyết định mọi công việc tại công ty nhưng nếu gặp những trường hợp cần thiết, thư ký cần giải quyết được vấn đề; hoặc khi sếp đi vắng, thư ký cần biết xử lý những rắc rối như dời cuộc hẹn, khát nợ, thỏa thuận một hợp đồng mới, ...

Có khả năng diễn thuyết: Không phải chỉ khi đứng trước hàng chục người mới cần có khả năng

² Gợi ý của giảng viên: Anh/ chị hãy giới thiệu sơ qua về công việc; anh/ chị đã/đang chuẩn bị những gì để làm tốt công việc đó; anh/ chị đã có thời gian làm công việc ấy, vậy anh/ chị có kinh nghiệm gì muốn nói với các bạn mình không...

này mà bất cứ lúc nào thư ký cần cũng phải làm được điều đó; lời nói phải trình bày được mọi suy nghĩ; không được dài dòng nhưng cũng không nên quá ngắn; đối tác mà mất cảm tình với bạn thì chắc chắn sẽ mất cảm tình với công ty.

(C) Bài tập (sinh viên trả lời đúng/ sai cho các câu hỏi sau):

(1) Trong công việc, thư ký là một trong những người gần gũi nhất với giám đốc?

(2) Công việc của một thư ký là nhận điện thoại, sắp xếp lịch hẹn, tiếp khách; đăng ký vé máy bay, khách sạn; lấy thị thực, soạn thảo văn bản, hợp đồng, dịch thuật; quản lý lưu trữ hồ sơ; chuẩn bị tài liệu, thông tin theo yêu cầu của lãnh đạo; tham dự và ghi chép biên bản các cuộc họp...

(3) Ngoài các nhiệm vụ trên, thư ký còn có thể là người đại diện cho cấp trên của mình khi giao dịch với những đối tác như ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ...?

(4) Để là người đại diện cho công ty, thư ký nên có tác phong chuyên nghiệp thể hiện qua khả năng giao tiếp, trang phục thanh lịch, ứng xử linh động, thông minh?

(5) Nghiệp vụ cần phải có của một thư ký giỏi là thành thạo vi tính, có tư duy nhạy bén để giải quyết các sự kiện, am hiểu cuộc sống, có trí nhớ tốt, có tính độc lập để có thể xử lý được các vấn đề liên quan?

(6) Ngoài việc giỏi các nghiệp nói trên, thư ký cũng phải biết diễn thuyết để chinh phục mọi người và đối tác?

(D) Trích đoạn chia sẻ kinh nghiệm làm việc của một sinh viên Hàn Quốc:

Bạn cần gì để làm việc tốt ở công ty mong muốn?

Phần A:

Chúng chỉ tiếng Việt cấp cao (C);

Khả năng đọc hiểu *tiếng Anh doanh nghiệp* (Business English);

Khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ cấp nâng cao, viết theo dạng lịch sự, đúng ngữ pháp và chính tả;

Khả năng sử dụng máy tính (đặc biệt là Excel, Power Point);

Khả năng phát biểu trước đám đông, làm MC.

Phần B (dành cho nhân viên Phòng Tổng vụ và Nhân sự):

Luật lao động;

Hợp đồng lao động (nội dung theo bộ phận, dành cho người nước ngoài);

Thủ tục làm visa; giấy phép lao động cho người nước ngoài;

Luật bảo vệ môi trường (ISO 14001);

Luật đầu tư và Điều lệ công ty;

Quy định PCCC;

Vệ sinh an toàn thực phẩm;

Văn hoá Việt Nam (bài hát Việt Nam, văn hoá Việt Nam, biết uống rượu);

Khả năng giữ quan hệ tốt với cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương (Chủ tịch UBND thành phố, Bí thư Đảng uỷ Đảng Cộng sản, Cục thuế, Đài truyền hình, nhà báo, Công an địa phương...).

Tóm lại, sinh viên rất năng động, sáng tạo khi tự khai thác kinh nghiệm cá nhân, kết hợp khá tốt việc học/ trình bày trên lớp và việc sử dụng ngôn ngữ ngoài lớp; vì vậy, TBLT là phương pháp rất phù hợp với môn học và đối tượng người học đang xét.

6. Kết luận và đề xuất

Việc giảng dạy môn “Tiếng Việt thương mại” có thể sẽ ngày càng cần thiết vì sự hội nhập ngày càng tăng của kinh tế Việt Nam vào kinh tế khu vực và thế giới. Sinh viên người nước ngoài cần phải học cả tiếng Việt lẫn các kỹ năng kinh doanh cần thiết khác để tồn tại và phát triển trong công nghiệp của họ tại Việt Nam. Để dạy tiếng Việt thành công, người thầy cần tìm kiếm và mạnh dạn thử nghiệm các phương pháp giảng dạy tiên tiến; một trong số này là TBLT – cái phương pháp đã kết hợp nhiều ý tưởng tốt nhất từ các phương pháp dạy tiếng được áp dụng cho đến thời điểm này.

Nhờ phương pháp TBLT, tasks trong lĩnh vực kinh doanh có thể được đưa vào lớp học, giúp thu hẹp khoảng cách giữa lớp học và việc kinh doanh.

Bản chất của phương pháp TBLT là linh hoạt, và giảng viên có thể kết hợp cả hai khía cạnh hình thái cấu tạo từ/ ngữ cũng như ngữ nghĩa trong cùng một bài học. Tasks mang tính sư phạm cũng tạo ra một cộng đồng học tập trong lớp học, nơi người học có thể học hỏi lẫn nhau và tương tác với giảng viên.

Hướng nghiên cứu tiếp theo có thể là việc xây dựng các tư liệu, giáo trình để tích cực hỗ trợ giảng viên áp dụng phương pháp TBLT trong giảng dạy môn “Tiếng Việt thương mại” cho sinh viên tại Khoa Việt Nam học.

Task-Based Language Teaching and its application in teaching “Business Vietnamese”

- **Nguyen Thanh Thuy**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

The field of language teaching has undergone many shifts and trends with various approaches and methods invented. Recently, there has been a widespread interest in task-based approach. The aim of the paper is to provide an overview of Task-Based Language Teaching, highlighting its advantages and possibility to apply the approach in teaching Business Vietnamese. The first four parts of the paper in turn present the definition of the term “tasks”, the framework for Task-Based Language Teaching and the role of teachers in Task-Based Language Teaching, as well as

some tips for applying this approach. The following one introduces the application of Task-Based Language Teaching to teaching Business Vietnamese at the Faculty of Vietnamese Studies, University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University Ho Chi Minh City. An example of how to design tasks for the course is also included. The paper ends with some recommendations for further research on the application of Task-Based Language Teaching in teaching Business Vietnamese.

Keywords: *Task-Based Language Teaching, Business Vietnamese, target language, goals of communication, real world, language application, Task Cycle*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- | | |
|--|---|
| <p>[1]. Williams, M. (2013), <i>What's the best way to teach languages?</i> The Guardian - Teacher Network, trên trang http://www.theguardian.com/teacher-network/teacher-blog/2013/may/14/best-way-</p> | <p>teach-language-schools (truy cập ngày 8 tháng 9 năm 2014).</p> <p>[2]. Lê Văn Canh (2004), <i>Understanding Foreign Language Teaching Methodology</i>, Hanoi: Vietnam National University Publisher.</p> |
|--|---|

- [3]. Nguyễn Việt Hùng, *Phương pháp dạy học Task-Based Language Teaching: những vấn đề lý luận cơ bản*, trên trang <http://repositories.vnu.edu.vn/jspui/bitstream/123456789/7724/1/tieuban2-09.pdf> (truy cập ngày 8 tháng 9 năm 2014).
- [4]. Nguyễn Phương Chi, *Vai trò và sự hữu ích của Task trong việc thực hành các kỹ năng*, Trường ĐH Kinh tế Tp. HCM, trên trang http://www.bnn.ueh.edu.vn/K%E1%BB%B7%20y%E1%BA%BFu%20HT/VAI%20TR%C3%92%20V%C3%80%20S%E1%BB%B0%20H%E1%BB%AEU%20%C3%8DCH%20C%E1%BB%A6A%20TASK_Nguy%E1%BB%85n%20Ph%C6%B0%C6%A1ng%20Chi.pdf (truy cập ngày 8 tháng 9 năm 2014).
- [5]. Willis, J. (1996), *A Framework for Task-Based Learning*, Harlow, Essex: Addison Wesley Longman.
- [6]. *Task-based Learning*, trên trang <http://www.languages.dk/archive/pools-m/manuals/final/taskuk.pdf> (truy cập ngày 8 tháng 9 năm 2014).